

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đ	76,036,513,635	112,974,409,980
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	đ	1,813,778,510	3,945,921,823
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	đ	74,222,735,125	109,028,488,157
4	Giá vốn hàng bán	đ	46,968,344,434	68,761,539,114
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đ	27,254,390,691	40,266,949,043
6	Doanh thu hoạt động tài chính	đ	1,960,866,044	2,167,752,857
7	Chi phí tài chính	đ	604,462,376	618,412,135
8	Chi phí bán hàng	đ	14,007,879,283	19,351,466,636
9	Chi quản lý doanh nghiệp	đ	3,201,717,489	5,629,076,766
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đ	11,401,197,587	16,835,746,363
11	Thu nhập khác	đ	37,559,847	43,743,347
12	Chi phí khác	đ	-	7,000,000
13	Lợi nhuận khác	đ	37,559,847	36,743,347
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đ	11,438,757,434	16,872,489,710
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	đ	0	0
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đ	11,438,757,434	16,872,489,710

Do Công ty kinh doanh trong ngành nông nghiệp, sản xuất kinh doanh mang tính thời vụ, Quý 2 là thời gian công ty cung ứng giống phục vụ cho vụ mùa năm 2008 ở các tỉnh phía Bắc nên doanh số tăng gấp 2,13 lần và lợi nhuận gấp 2,10 lần so với Quý 1.

Ngày 22 tháng 07 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trần Kim Liên